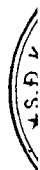
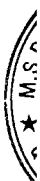


**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

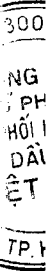
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

~~Thay mặt và~~ đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Số: 60 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 15. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 7 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.160.143.411.712	898.720.677.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	483.698.148.475	431.787.889.686
1. Tiền	111		355.698.148.475	393.787.889.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		128.000.000.000	38.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		663.535.657.910	456.943.365.475
1. Phải thu khách hàng	131		464.170.373.559	331.637.789.750
2. Trả trước cho người bán	132	5	195.920.226.161	122.314.037.399
3. Các khoản phải thu khác	135		3.445.058.190	2.991.538.326
III. Hàng tồn kho	140	6	8.154.603.331	7.147.762.221
1. Hàng tồn kho	141		8.154.603.331	7.147.762.221
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.755.001.996	2.841.660.515
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.194.513.852	2.186.375.715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		151.803.344	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		408.684.800	655.284.800
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		80.794.347.713	78.846.631.229
I. Tài sản cố định	220		79.975.050.613	77.883.074.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	61.677.638.083	63.069.971.981
- Nguyên giá	222		104.594.090.435	100.177.269.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.916.452.352)	(37.107.297.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.334.547.250	118.653.497
- Nguyên giá	228		1.688.749.600	272.849.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(354.202.350)	(154.196.103)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	16.962.865.280	14.694.448.980
II. Tài sản dài hạn khác	260		819.297.100	963.556.771
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	144.259.671
2. Tài sản dài hạn khác	268		819.297.100	819.297.100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.240.937.759.425	977.567.309.126

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		415.468.603.875	259.583.588.015
I. Nợ ngắn hạn	310		415.389.738.309	259.503.334.449
1. Phải trả người bán	312	9	319.368.318.154	203.034.145.881
2. Người mua trả tiền trước	313		52.826.145	83.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	65.335.577.809	45.245.958.054
4. Phải trả người lao động	315		13.359.797.725	5.824.734.493
5. Chi phí phải trả	316		256.847.639	577.038.682
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	12.507.717.660	891.118.489
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.508.653.177	3.847.338.850
II. Nợ dài hạn	330		78.865.566	80.253.566
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.865.566	80.253.566
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		825.469.155.550	717.983.721.111
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	825.469.155.550	717.983.721.111
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		429.000.000.000	428.622.300.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		191.921.745.441	108.565.671.943
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		32.946.731.029	22.099.660.111
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		171.600.679.080	158.696.089.057
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.240.937.759.425	977.567.309.126



Nguyễn Văn Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Phương Thúy
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
	số	minh	đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng	01		1.517.733.032.764	946.363.225.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		1.517.733.032.764	946.363.225.018
4. Giá vốn hàng bán	11		1.211.036.987.014	774.402.439.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		306.696.045.750	171.960.785.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.018.364.127	9.108.526.939
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		64.739.216.605	63.171.450.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.878.829.023	8.201.853.118
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		239.096.364.249	109.696.009.505
11. Thu nhập khác	31		961.233	4.277.591.570
12. Chi phí khác	32		-	45.875.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		961.233	4.231.716.570
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30)	50		239.097.325.482	113.927.726.075
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13	59.795.331.372	29.813.490.566
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		144.259.671	(1.353.306.297)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		179.157.734.439	85.467.541.806
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14	4.178	2.590



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	239.097.325.482	113.927.726.075
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.009.160.954	5.716.403.701
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(11.018.364.127)	(9.085.833.757)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	234.088.122.309	110.558.296.019
(Tăng) các khoản phải thu	09	(129.459.903.567)	(100.646.875.750)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.006.841.110)	(34.392.422)
Tăng các khoản phải trả	11	140.680.159.780	216.084.060.849
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(1.913.341.481)	(4.024.324.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(42.642.582.194)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.038.685.673)	(3.957.598.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	192.706.928.064	217.979.165.139
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(87.228.156.171)	(5.835.230.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	23.181.818
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.419.906.896	8.118.874.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(76.808.249.275)	2.306.825.822
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	31	377.700.000	-
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(64.366.120.000)	(71.962.248.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.988.420.000)	(71.962.248.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	51.910.258.789	148.323.742.961
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	431.787.889.686	487.568.688.761
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	483.698.148.475	635.892.431.722



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Phương Thủy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007. Ngày 05 tháng 12 năm 2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 0304998686 với vốn điều lệ là 429 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 158 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 154 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyên giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	870.551.314	379.836.153
Tiền gửi ngân hàng	339.827.597.161	393.408.053.533
Tiền đang chuyển	15.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	128.000.000.000	38.000.000.000
	<u>483.698.148.475</u>	<u>431.787.889.686</u>

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (*)	168.543.481.295	115.704.294.615
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí 2 (**)	22.748.000.000	-
Khác	4.628.744.866	6.609.742.784
	<u>195.920.226.161</u>	<u>122.314.037.399</u>

(*) Ngày 07 tháng 8 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 15/2010/PVGASD-PVID với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí về việc "Thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình cho dự án phân phối khí thấp áp cho các khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 231.408.589.231 đồng. Công ty đã tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí) số tiền là 151.267.481.295 đồng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 30/2010/PVGASD-PVID với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí về việc "Thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình cho dự án phân phối khí thấp áp cho các khu công nghiệp huyện Hiệp Phước - Giai đoạn 1", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 34.552.049.958 đồng. Công ty đã tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí) số tiền là 17.276.000.000 đồng.

(**) Ngày 17 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/2011/PVGASD-PVC2/QLDA với Liên danh tổng thầu (EPC) đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 về việc "Thiết kế - mua sắm vật tư thiết bị và thi công xây lắp công trình Trụ sở các Công ty PVAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu", giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tạm tính là 64.000.000.000 đồng. Công ty đã tạm ứng cho EPC (đại diện là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2) số tiền là 22.748.000.000 đồng.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.741.335.935	6.730.869.298
Công cụ, dụng cụ	413.267.396	416.892.923
	<u>8.154.603.331</u>	<u>7.147.762.221</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>8.154.603.331</u>	<u>7.147.762.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	3.124.816.993	87.624.385.043	5.609.302.691	3.818.764.899	100.177.269.626
Mua sắm mới	-	3.630.000.745	-	786.820.064	4.416.820.809
Tại ngày 30/6/2011	3.124.816.993	91.254.385.788	5.609.302.691	4.605.584.963	104.594.090.435
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.051.277.596	31.076.430.108	2.632.895.962	2.346.693.979	37.107.297.645
Khấu hao trong kỳ	277.657.722	4.629.695.920	473.919.018	427.882.047	5.809.154.707
Tại ngày 30/6/2011	1.328.935.318	35.706.126.028	3.106.814.980	2.774.576.026	42.916.452.352
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	1.795.881.675	55.548.259.760	2.502.487.711	1.831.008.937	61.677.638.083
Tại ngày 31/12/2010	2.073.539.397	56.547.954.935	2.976.406.729	1.472.070.920	63.069.971.981

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.870.232.109 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.413.871.749 đồng).

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự án phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Giai đoạn 1	14.500.552.811	13.886.852.500
Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Hiệp Phước	1.759.029.178	460.570.440
Khác	703.283.291	347.026.040
	16.962.865.280	14.694.448.980

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	314.586.457.201	196.543.372.481
Khác	4.781.860.953	6.490.773.400
	319.368.318.154	203.034.145.881

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.530.896.087	2.453.370.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.795.331.372	42.642.582.194
Thuế thu nhập cá nhân	9.350.350	150.005.042
	65.335.577.809	45.245.958.054

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa Lông Miền Nam (*)	11.374.000.000	-
Cổ tức phải trả	746.552.000	762.672.000
Phải trả, phải nộp khác	387.165.660	128.446.489
	<u>12.507.717.660</u>	<u>891.118.489</u>

(*) Ngày 08 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký Hợp đồng số 28/2010/KTA-GAS S/QLDA với Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa Lông Miền Nam (PVGAS S) về việc “Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác công trình Trụ sở các Công ty PVGAS D và PVGAS S tại Vũng Tàu” trên đất do Công ty và PVGAS S quản lý tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, với tỷ lệ góp vốn là PVGAS D góp 50%, PVGAS S góp 50% tổng vốn đầu tư, giá trị tạm tính của hợp đồng là 68.884.298.891 đồng. Ngày 06 tháng 5 năm 2011, Công ty đã nhận tiền tạm ứng từ PVGAS S với số tiền là 11.374.000.000 đồng.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮUThay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	330.000.000.000	-	22.099.660.111	600.000.000	157.665.271.584	510.364.931.695
Góp vốn	98.622.300.000	-	-	-	-	98.622.300.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	216.941.418.369	216.941.418.369
Trích từ lợi nhuận	-	108.565.671.943	-	-	(117.310.600.896)	(8.744.928.953)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	-	-	(400.000.000)	400.000.000	-
Chi quỹ	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	428.622.300.000	108.565.671.943	22.099.660.111	-	158.696.089.057	717.983.721.111
Góp vốn	377.700.000	-	-	-	-	377.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	179.157.734.439	179.157.734.439
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	83.356.073.498	10.847.070.918	-	(94.203.144.416)	-
(i)						
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	(7.700.000.000)	(7.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(64.350.000.000)	(64.350.000.000)
Tại ngày 30/6/2011	<u>429.000.000.000</u>	<u>191.921.745.441</u>	<u>32.946.731.029</u>	<u>-</u>	<u>171.600.679.080</u>	<u>825.469.155.550</u>

(i) Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 83.356.073.498 đồng, quỹ dự phòng tài chính với số tiền 10.847.070.918 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011.

Công ty cũng thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo phương án được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011 với số tiền là 7.500.000.000 đồng và Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền là 200.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Số vốn thực góp tại ngày 30/6/2011		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	212.725.500.000	49,59	144.375.000.000	33,68
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	-	-	61.875.000.000	14,44
Các cổ đông khác	216.274.500.000	50,41	222.372.300.000	51,88
	429.000.000.000	100,00	428.622.300.000	100,00

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 02 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với tổng số tiền 113.790.000.000 đồng. Trong đó: Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 trong năm 2011 với số tiền là 64.350.000.000 đồng (tương đương với 1.500 đồng/cổ phần).

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆPChi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	239.097.325.482	113.927.726.075
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	167.989.000
- Cổ tức nhận từ CNG	-	167.989.000
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	84.000.000	5.494.225.189
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	-	5.413.225.189
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	84.000.000	81.000.000
Thu nhập chịu thuế	239.181.325.482	119.253.962.264
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	59.795.331.372	29.813.490.566

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	179.157.734.439	85.467.541.806
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.883.306	33.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.178	2.590

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/6/2010</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.211.033.118.302	774.402.439.239
Tiền thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	30.005.425.002	30.005.425.002
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	132.621.986.345	20.802.112.293
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	115.073.722.668	34.421.060.698
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.523.550.607	1.378.063.563

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/6/2011</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	85.946.243.044	49.445.121.017
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	71.385.130.971	27.569.867.325
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí	200.059.169	200.059.169
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	168.543.481.295	115.704.294.615
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	22.239.800	22.239.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	1.851.929.823	1.851.929.823
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	-	1.846.134.276
Phải trả tiền mua khí và thuê Hệ thống khí thấp áp		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	314.586.457.201	196.543.372.481
Phải trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	11.406.560.851	-
- Phải trả tiền góp vốn đầu tư	11.374.000.000	-
- Phải trả tiền mua khí CNG sử dụng cho ô tô	32.560.851	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01-PTL-VTLP với Công ty TNHH Petro Tower để thuê văn phòng tại tòa nhà Petro Tower (Thành phố Vũng Tàu). Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 14 tháng 8 năm 2009, số tiền thuê hàng tháng là 8.576 Đô la Mỹ.

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 548/HĐ07-LG4 với Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex để thuê văn phòng tại tòa nhà CitiLight Tower với thời hạn năm (05) năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2007 với số tiền thuê hàng tháng là 13.050 Đô la Mỹ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 34/2009/PVGAS/KTTT-PVGAS D/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2009 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Công ty có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV áp dụng trong năm 2011 là từ 4,6 Đô la Mỹ/MMBTU đến 6,14 Đô la Mỹ/MMBTU (giá mua khí áp dụng trong năm 2010 từ 4,23 Đô la Mỹ/MMBTU đến 4,98 Đô la Mỹ/MMBTU). Giá mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

